TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH O** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 14/9/2023
"V/v:Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH O, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Bá Ngọc và ông Lê Huy Trọng;
Thư ký phiên toà ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Anh Bích, Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh O, thành phố Hà Nội.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh O, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Mai Lương Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh O, thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 239/2022/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐDS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2023 ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh O giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Minh D**, sinh năm 1982;
ĐKHKTT: Thôn Cự Đà, xã Cự Khê, huyện Thanh O, thành phố Hà Nội
- *Bị đơn:* Chị **Đặng Thị H**, sinh năm 1989;
ĐKHKTT: Thôn Cự Đà, xã Cự Khê, huyện Thanh O, thành phố Hà Nội.

(Tại phiên tòa anh D có mặt, chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu khác nguyên đơn là anh Nguyễn Minh D trình bày:

Anh và chị H trước khi cưới có tìm H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 22/8/2011. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian, đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, khiến cho tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do chị H hay bỏ nhà đi và có mối quan hệ ngoài luồng, vợ chồng không hợp nhau, xảy ra nhiều khúc mắc. Đến năm 2017 thì vợ chồng anh sống ly thân.

Nay anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh D trình bày quá trình chung sống, anh và chị H có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Minh V, sinh ngày 06/8/2011 và cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 13/02/2015. Sau khi ly hôn, anh xin nhận nuôi 02 con chung, và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung và các yêu cầu khác của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Đặng Thị H: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H, niêm yết tại địa phương nơi chị H sinh sống nhưng chị đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thanh O (Thẩm phán, Thư ký tòa án) đã thụ lý, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2015: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Minh D.

-*Về con chung*: Giao hai con chung cho anh Nguyễn Minh D nuôi dưỡng, giao dục cho đến khi trưởng thành.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, anh D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

-Tại phiên tòa anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] ***Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*** Anh Nguyễn Minh D khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Đặng Thị H nên thuộc tranh chấp về Ly hôn theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị H có hộ khẩu thường trú tại thôn Cự Đà, xã Cự Khê, huyện Thanh O, thành phố Hà Nội nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh O, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] ***Về thủ tục xét xử:*** Tại biên bản xác minh ngày 31/3/2023 (BL 35), Công an xã Cự Khê cho biết chị Đặng Thị H sinh năm 1989 có HKTT tại thôn Cự Đà, xã Cự Khê, huyện Thanh O, thành phố Hà Nội, không có sự di chuyển hộ khẩu và hiện tại

không biết chị H đang sinh sống tại đâu. Toàn bộ văn bản tố tụng Tòa án đã thực hiện niêm yết tại địa phương nơi chị H cư trú nhưng chị H vẫn không có phản hồi. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H đều vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2].Xét về nội dung:

[2.1].*Về quan hệ hôn nhân:*

Xét lời trình bày của anh Nguyễn Minh D nhận thấy giữa anh D và chị H trước khi kết hôn đã có thời gian quen biết, tìm H nhau. Hai bên tiến tới hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận năm 2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, chị H thường xuyên bỏ đi, không chăm nom các con và có mối quan hệ ngoài luồng. Hai bên không thể hòa giải, đến năm 2017, anh D và chị H đã sống ly thân. Do hai người hoàn toàn không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên đơn là anh D xin ly hôn với chị H, còn chị H không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh D được ly hôn với chị H là phù hợp.

[2.2] ***Về con chung****:* Anh D trình bày trong quá trình kết hôn, anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh V, sinh ngày 06/8/2011 và cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 13/02/2015. Hiện các cháu đang ở cùng anh D. Xét nguyện vọng được tiếp tục nuôi con của anh D, nguyện vọng của hai cháu và tình hình thực tế về việc chị H thường xuyên bỏ đi, không rõ hiện đang ở đâu, không quan tâm, chăm sóc đến các con, để đảm bảo cho các con có sự phát triển ổn định cả về thể chất lẫn tâm sinh lý, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, giao hai cháu Nguyễn Minh V và Nguyễn Minh N cho anh D trược tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D không yêu cầu chị H phải đóng góp nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi đương sự có yêu cầu hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật.

[2.3] ***Về tài sản chung, công nợ chung:*** Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Minh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn anh Nguyễn Minh D. Xử Anh **Nguyễn Minh D** được ly hôn chị **Đặng Thị H**.

2. Về con chung: Anh D, chị H có 02 con chung.

Tiếp tục giao cháu Nguyễn Minh V, sinh ngày 06/8/2011 và cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 13/02/2015 cho anh Nguyễn Minh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành hoặc cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu khác.

Tạm hoãn việc trợ cấp nuôi con cho chị Đặng Thị H cho đến khi anh Nguyễn Minh D có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Đặng Thị H có quyền thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Trường hợp cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Minh D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai số 0054013 ngày 20/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh O .

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Thanh O;
- Chi cục THADS huyện Thanh O;
- Các bên đương sự;
- UBND xã Cự Khê;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN TIẾN DŨNG